

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/8/2023
V/v Tranh chấp về HNGĐ - Ly hôn,
nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Dũng;
- Bà Bùi Thị Hg.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Nam Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 112/2023/TLST-HNGĐ ngày 02/6/2023, về việc “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 246/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Văn H, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xã XY, huyện NX, tỉnh Hà Tĩnh.

Địa chỉ liên hệ: Số 145/5, đường ĐVB, Phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương Th, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp 3, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Anh Phan Văn H có mặt, chị Nguyễn Thị Phương Th vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Phương Th kết hôn năm 2005 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MT, giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2007. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm

2014, chị Th có yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết ly hôn với anh H. Vụ việc được Tòa án nhân dân thành phố C giải quyết bằng Bản án số 61/2014/HNGĐ-ST, ngày 09/12/2014 với nội dung bác yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Th, về con chung, tài sản chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh H và chị Th ly thân từ năm 2014 đến nay và không có hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Nay anh H yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Nguyễn H M, sinh ngày 24/01/2007, hiện nay con chung đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý chị Th tiếp tục nuôi con chung, anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Phương Th: Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th nhưng chị Th không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/5/2023, nguyên đơn anh Phan Văn H yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Phương Th, đồng ý để chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân gia đình - Ly hôn, nuôi con”.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Phương Th là bị đơn trong vụ án có địa chỉ Tổ 9, Ấp 3, xã MT, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị Phương Th nhưng chị Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Phương Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận

kết hôn số 23; quyền số 01 ngày 09/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã MT, thành phố C nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử nhận định, trong quá trình chung sống, anh H và chị Th phát sinh mâu thuẫn là có thật. Vào năm 2014, chị Th có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H tại Tòa án nhân dân thành phố C và Tòa án đã giải quyết không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th tại Bản án số 61/2014/HNGĐ-ST, ngày 09/12/2014. Tuy nhiên, từ năm 2014 cho đến nay anh H và chị Th vẫn không thể hàn gắn lại tình cảm, vợ chồng sống xa nhau từ đó cho đến nay. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 10/8/2023, anh H xác định đã không còn tình cảm với chị Th, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Về phía chị Th, mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Th nhưng đến nay chị Th vẫn không đến Tòa án trình bày ý kiến hay có văn bản thể hiện phản đối yêu cầu ly hôn của anh H và chị Th cũng không có hành động nào thể hiện ý muốn hàn gắn tình cảm với anh H. Do mâu thuẫn giữa anh H và chị Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Văn H, anh Phan Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai của anh H và giấy khai sinh số 237, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố C, đăng ký ngày 13/11/2007, Hội đồng xét xử nhận định anh H và chị Th có 01 con chung tên Phan Nguyễn H M, sinh ngày 24/01/2007, hiện nay con chung đang sống với chị Th. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử nhận định, hiện cháu H M đang sống với chị Th, việc chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H M là đảm bảo cuộc sống ổn định cho cháu nên chấp nhận việc chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H M.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp và đảm bảo cho quyền lợi của con chung nên chấp nhận.

[5] Về tài sản chung: Anh H trình bày không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ: Anh H trình bày vợ chồng không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Phương Th không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 235; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của anh Phan Văn H. Anh Phan Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phương Th.

2. Về con chung:

Anh Phan Văn H và chị Nguyễn Thị Phương Th có 01 con chung tên Phan Nguyễn H M, sinh ngày 24/01/2007, hiện nay con chung đang sống với chị Th.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Phương Th được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Nguyễn H M, sinh ngày 24/01/2007, anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng (Hai triệu đồng/tháng), cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phan Văn H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0012363 ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, anh H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Văn H được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Phương Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng